

Số: /KH-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là Chương trình), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế; tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 77% vào năm 2025 và 91% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 90% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025 và dưới 9 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 12,5 vào năm 2025 và 10 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 18,5 vào năm 2025 và dưới 15 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9% vào năm 2025 và dưới 6% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 14% vào năm 2025 và dưới 12% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 97% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; 98% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 7: Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh vào năm 2025 và duy trì 100% đến năm 2030.

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 0,7% vào năm 2025 và 0,5% vào năm 2030; 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 9: Giảm 20% số trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em vào năm 2030, mỗi năm giảm 2%.

- Chỉ tiêu 10: Phấn đấu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,9% vào năm 2025 và xuống 4,5% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 140/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 120/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 8/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 6/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 12: Phấn đấu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 98,5% vào năm 2025, phấn đấu 100% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 15: Phấn đấu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập, tâm lý xã hội đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 97% vào năm 2025 và đạt 99% vào năm 2030; phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,12% vào năm 2025 và dưới 0,1% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 88% vào năm 2025 và đạt 93% vào năm 2030; phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và dưới 0,05% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 19: Phấn đấu 95% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng, tài liệu phù hợp với học sinh đạt 55% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có

nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 21: Phấn đấu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

- Chỉ tiêu 22: Phấn đấu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 23: Phấn đấu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp của các sở, ngành, địa phương đối với việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 11/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em trong tình hình mới và Chỉ thị số 16/CT-CTUBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tăng cường triển khai thực hiện các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 24/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 và Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 07/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện triển khai Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2018 - 2025; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện triển khai Quyết định số 1439/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2018 - 2025; Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 10/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về triển khai thực hiện Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2019 - 2025 và Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 - 2025.

Hàng năm, xây dựng, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch về phòng ngừa và hỗ trợ trẻ em lang; Kế hoạch phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; nhân rộng mô hình Phòng, chống đuối nước trẻ em từ Dự án “Hỗ trợ triển khai các can thiệp hiệu quả và bền vững để phòng, chống đuối nước trẻ em” phù hợp với từng địa phương.

Các sở, ban ngành và địa phương lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm. Xác định cụ thể cơ chế, nguồn lực thực hiện để lồng ghép vào các hoạt động có liên quan và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu.

Người đứng đầu sở, ban ngành, địa phương chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em thuộc lĩnh vực, phạm vi sở, ban ngành, quản lý.

2. Triển khai pháp luật, chính sách bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em

Đề xuất, kiến nghị bổ sung chính sách hỗ trợ chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em đến 8 tuổi, đặc biệt giai đoạn từ khi mới sinh đến 36 tháng tuổi; các chính sách trợ giúp nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em trong các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, trẻ em di cư và trong các gia đình công nhân tại các khu công nghiệp, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, thảm họa; các chính sách về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, tư pháp thân thiện với trẻ em, người chưa thành niên.

Nghiên cứu xây dựng và triển khai thực hiện chính sách của tỉnh hỗ trợ một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh ngoài những chính sách quy định của Trung ương để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3. Phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em

Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thí điểm các mạng lưới, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em có sự lồng ghép, phối hợp, chuyển tuyến liên ngành, liên cấp theo hình thức dịch vụ một cửa và các gói dịch vụ tiếp cận trẻ em, cha mẹ và người chăm sóc trẻ em tại gia đình và cộng đồng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và kiêm nhiệm ở xã, phường, thị trấn; tập huấn cho đội ngũ cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, bảo vệ trẻ em và các dịch vụ an sinh xã hội khác.

Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở có chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại Trung tâm Bảo trợ xã hội; thực hiện các dịch vụ phòng ngừa và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ tự kỷ; hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em lang thang, bị xâm hại, lao động sớm, và vi phạm pháp luật.

Mở rộng hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

4. Tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bốn phận của trẻ em; vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em

Nghiên cứu, xây dựng và sản xuất các sản phẩm truyền thông có chất lượng, phù hợp với từng địa phương, nhóm đối tượng. Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông, giáo dục, vận động xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, môi trường mạng và truyền thông trực tiếp đến gia đình, cơ sở giáo dục và cộng đồng.

Chú trọng truyền thông, giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em; chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em; tạo lập môi trường sống an toàn, thân thiện cho trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em; bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính; bảo vệ trẻ em trong thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề của trẻ em.

5. Bảo đảm nguồn lực thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ưu tiên bố trí nguồn lực về bảo vệ trẻ em

Nâng cao hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo và Nhóm công tác liên ngành về bảo vệ trẻ em và giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em. Kiện toàn, củng cố tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp huyện và xã theo quy định tại Khoản 2 Điều 94 Luật Trẻ em. Bảo đảm tất cả các xã, phường, thị trấn có thành lập Nhóm Thường trực Bảo vệ trẻ em để giải quyết kịp thời các vấn đề về trẻ em và xâm hại trẻ em tại cơ sở.

Ưu tiên bố trí công việc hợp lý, có chính sách hỗ trợ người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại cộng đồng dân cư để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ thực hiện quyền trẻ em.

Các sở, ban ngành và địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; ưu tiên các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ trẻ em.

6. Vận động nguồn lực và sự tham gia của xã hội

Vận động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền trẻ em, các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em.

Hình thành các phong trào, mạng lưới tình nguyện hỗ trợ việc thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em; khuyến khích hoạt động của

Quỹ bảo trợ trẻ em các cấp để hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

Tăng cường sự quản lý, điều phối của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội cho trẻ em bám đảm công bằng, minh bạch, hiệu quả.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em

Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em.

Tổ chức lấy ý kiến, kiến nghị của trẻ em; tổ chức đê trẻ em được tiếp xúc với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; thường xuyên lắng nghe, tiếp nhận và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của trẻ em; giải quyết, đôn đốc việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em, cha mẹ, người giám hộ.

Hoàn thiện hệ thống thông tin, thống kê, báo cáo về tình hình trẻ em, thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em; thực hiện các khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em.

Cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em đầy đủ, bảo đảm chất lượng thông tin về trẻ em, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ cộng đồng dân cư và hộ gia đình; kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu về trẻ em với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo: Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2022 - 2030 từ ngân sách địa phương là 2.292.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu đồng).

(Kèm theo phụ lục chi tiết).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, lồng ghép từ kinh phí thực hiện một số chương trình, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn tài trợ, viện trợ, huy động khác (nếu có).

3. Các nguồn kinh phí tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng, các nguồn hợp pháp khác thông qua Quỹ Bảo trợ trẻ em.

4. Các sở, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Xây dựng, hướng dẫn triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch để thực hiện Kế hoạch này và các chỉ tiêu 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12, 22, 23, 24 của Kế hoạch;

lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của đơn vị vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của ngành để triển khai thực hiện.

Phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể có liên quan xây dựng, triển khai thực hiện chính sách của tỉnh hỗ trợ một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Hướng dẫn, triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em.

Xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển các mô hình phát triển toàn diện trẻ em, dịch vụ bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; phối hợp với Tỉnh Đoàn thực hiện và phát triển mô hình Hội đồng trẻ em các cấp.

Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ làm công tác trẻ em các cấp, các ngành, các tổ chức, đặc biệt là cấp cơ sở; cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em.

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan cung cấp hệ thống cơ sở, mô hình cung cấp dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em.

Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Bảo trợ xã hội bổ sung chức năng, nhiệm vụ về công tác xã hội đối với trẻ em; xây dựng Kế hoạch liên ngành phòng ngừa và hỗ trợ trẻ em lang thang tái hòa nhập cộng đồng.

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện các khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em. Kiểm tra, thanh tra liên ngành và chuyên đề về trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em, chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em. Đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ, tổng kết; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Tư pháp: Hướng dẫn, triển khai thực hiện chỉ tiêu 14 của Kế hoạch. Thực hiện nghiêm các chính sách, pháp luật về tư pháp liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên và chương trình quốc gia về tư pháp người chưa thành niên khi hoàn thiện, chính sách pháp luật. Truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính. Xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình về cung cấp dịch vụ nuôi con nuôi trong nước.

3. Công an tỉnh: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan trong việc phối hợp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại; phòng ngừa tái phạm, quản lý, giáo dục trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật; đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em để thực hiện chỉ tiêu 9 của Kế hoạch.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn, triển khai thực hiện các chỉ tiêu 7, 15, 16, 17, 18, 19, 20 của Kế hoạch. Triển khai chính sách, giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ

học đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa; duy trì và mở rộng các trường bán trú và dân tộc nội trú.

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực; nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh về quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình đối thoại học đường để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong trường học; mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong trường học.

Triển khai việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục, đặc biệt là giáo dục lối sống văn hóa, rèn luyện đạo đức cho học sinh. Tích hợp, lồng ghép các nội dung có sự tham gia của trẻ em vào các chương trình chính khóa và hoạt động ngoại khóa phù hợp với cấp học, năng lực, sự phát triển của trẻ em.

5. Sở Y tế

Hướng dẫn, triển khai thực hiện các chỉ tiêu 3, 4, 5, 6 của Kế hoạch. Thực hiện các giải pháp, chương trình, đề án về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Hướng dẫn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em di cư, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong bệnh viện.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn, triển khai, thực hiện chỉ tiêu 13, 21 của Kế hoạch; ưu tiên xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em, nhất là các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm hoạt động biểu diễn, sáng tác nghệ thuật có nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống, phù hợp với trẻ em theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trong các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa bảo đảm cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh.

Hướng dẫn, trang bị kiến thức và kỹ năng cho gia đình về thực hiện quyền trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình nhóm gia đình đồng hành cùng trẻ em để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong gia đình.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp các cơ quan báo chí; chỉ đạo Công thông tin điện tử tỉnh, Đài Truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

Phối hợp thiết lập các kênh thông tin để tiếp nhận, phản ánh thông tin về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em trong hoạt động thông tin, truyền thông.

Nghiên cứu đề xuất các chính sách và giải pháp về công nghệ thông tin để thúc đẩy thực hiện quyền trẻ em, hình thành văn hóa số cho trẻ em, bảo đảm sự an toàn cho trẻ em khi tham gia môi trường mạng.

8. Sở Tài chính: Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm của các Sở, ngành và địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

9. Các sở, ban ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của đơn vị; ban hành hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chương trình, đề án, kế hoạch để giải quyết các vấn đề về trẻ em thuộc lĩnh vực quản lý.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia và vận động xã hội tham gia thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “Xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc triển khai.

11. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em; giám sát, phản biện việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết những vi phạm quyền trẻ em.

12. Đề nghị Tỉnh Đoàn phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan xây dựng và phát triển mô hình Hội đồng đội trẻ em các cấp; tổ chức lấy ý kiến trẻ em thông qua diễn đàn, họp mặt, đối thoại giữa lãnh đạo với trẻ em các cấp và các hình thức khác; chuyển ý kiến, kiến nghị của trẻ em đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; theo dõi việc giải quyết và phản hồi cho trẻ em về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng trẻ em.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch hành động vì trẻ em của địa phương giai đoạn 2021 - 2030 và đưa, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình, kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương.

Thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành Bảo vệ trẻ em cấp huyện và Nhóm Thường trực Bảo vệ trẻ em cấp xã. Ưu tiên bố trí công việc hợp lý, có chính sách hỗ trợ người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại cộng đồng dân cư thông qua cộng tác viên hiện có (cộng tác viên dân số, y tế, ...) để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em.

Bố trí ngân sách thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch; đổi ứng ngân sách địa phương để thực hiện, nhân rộng các mô hình, giải pháp về thực hiện quyền trẻ em trong các chương trình, kế hoạch, dự án do nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ; rà soát, ưu tiên đầu tư ngân sách địa phương để duy trì, phát triển các cơ sở có chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh.

Quan tâm chỉ đạo việc rà soát, tuyên truyền vận động các cơ sở tôn giáo có nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đăng ký thành lập cơ sở hoặc đăng ký hoạt động trợ giúp xã hội theo quy định.

Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, rà soát việc bảo đảm môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em và tai nạn, thương tích trẻ em; quan tâm trợ giúp tái hòa nhập cộng đồng đối với các trường hợp trẻ em lang thang, xin ăn; chỉ đạo xử lý nghiêm và kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em trên địa bàn.

Theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hành động vì trẻ em của địa phương; hoàn thiện và thường xuyên cập nhật dữ liệu trẻ em vào phần mềm quản lý trẻ em ở sở sở.

14. Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế từng đơn vị, địa phương. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6), năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- PCT UBND tỉnh HTDN;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH ST;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thị Diễm Ngọc

PHỤ LỤC CHI TIẾT

Kinh phí thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2022 - 2030, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: Nghìn đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022 - 2030									Đơn vị thực hiện
		2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
1	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch về phòng ngừa và hỗ trợ trẻ em lang thang theo tinh thần Công văn số 3919/VP-VX ngày 27/8/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	78.000	78.000	78.000	78.000	137.600	137.600	137.600	137.600	137.600	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh
-	Tổ chức tuyên truyền, cung cấp kỹ năng tự bảo vệ và giáo dục phòng ngừa tái lang thang (mỗi năm 1 cuộc)	12.000	12.000	12.000	12.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	Địa phương
-	Hỗ trợ lập hồ sơ, tư vấn, giáo dục trẻ em lang thang (mỗi năm 20 trẻ)	2.000	2.000	2.000	2.000	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	Địa phương
-	Hỗ trợ học nghề đối với trẻ đủ tuổi (mỗi năm 10 trẻ)	60.000	60.000	60.000	60.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
-	Chi phí cán bộ theo dõi, giám sát hỗ trợ trẻ lang thang (mỗi năm 20 trẻ)	4.000	4.000	4.000	4.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	Địa phương
2	Truyền thông Luật Trẻ em, quyên trẻ em; quy trình can thiệp trẻ em bị xâm hại và các kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em (in ấn tài liệu, dụng cụ học tập, bài viết, phóng sự,...)	40.000	40.000	40.000	40.000	43.000	43.000	43.000	43.000	375.000	Địa phương

3	Xây dựng và phát triển mô hình Hội đồng đội trẻ em các cấp	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	867.000	Địa phương
-	Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết hoạt động Hội đồng trẻ em (12 Hội đồng x 50 trẻ/Hội đồng, mỗi năm 01 cuộc)	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	235.000	Tỉnh Đoàn
-	In ấn, pho to, tài liệu, sản phẩm tuyên truyền hoạt động của Hội đồng trẻ em cấp tỉnh, huyện (12 Hội đồng x 3 triệu đồng/năm)	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	352.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
-	Tổ chức Diễn đàn, Hội nghị, họp mặt, đối thoại, tiếp xúc với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân để lắng nghe ý kiến trẻ em cấp tỉnh (mỗi năm 01 cuộc, mỗi cuộc 200 trẻ)	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	280.000	Tỉnh Đoàn
4	Kiểm tra, giám sát liên ngành; công tác phí đi cơ sở giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em ở cơ sở	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	50.000	Địa phương
Tổng cộng		216.000	216.000	216.000	216.000	216.000	285.600	285.600	285.600	285.600	285.600	2.292.000	